



TÂM NGUYỆN

*Minh-Nguyệt, K17/1
(Nam Sinh Tín)*

Hôm nay là cuối tuần, thời tiết rất nóng, nhiệt độ lên đến trên 90 độ, tuy vậy tôi vẫn chuẩn bị đi đến thương xá để mua sắm, mong tìm được một món quà thích hợp tặng cha mẹ của tôi vào dịp lễ Vu Lan vào ngày mai. Theo thông tin giải thích, ngày lễ Vu Lan là một trong hai ngày lễ lớn nhất của Phật giáo, nhằm báo hiếu công ơn sinh thành dưỡng dục của cha mẹ, nay không chỉ là ngày lễ của các Phật tử mà đã trở thành một lễ hội thể hiện tinh thần chung của xã hội, mang đến thông điệp về lòng biết ơn và đền ơn như một biểu hiện và cư xử văn hóa đáng được ghi nhớ. Trong truyền thống đạo lý uống nước nhớ nguồn, ăn quả nhớ người trồng cây của dân tộc ta, báo hiếu, báo ân tổ tiên, ông bà, cha mẹ, là một trong những cảm ơn quan trọng nhất trong cuộc đời con người.

Trong mắt tôi, cha mẹ là người tuyệt vời nhất, là nguồn sống, là sức mạnh giúp tôi chống trội với phong ba bão táp ở ngoài xã hội. Trong cuộc đời này không ai tốt với mình hơn là mẹ. Tình mẹ cao như mây trời, rộng như biển cả. Mẹ là người có thể thay thế bất kể ai khác, nhưng không ai có thể thay thế được mẹ. Mẹ có thể hy sinh tất cả chỉ để con cái khỏe mạnh và khôn lớn từng ngày. Tôi luôn luôn ghi nhớ và tôn vinh cha

mẹ vì họ là người cho tôi sự sống, hy sinh cả cuộc đời cho tôi. Để bày tỏ lòng kính trọng công ơn sinh thành dưỡng dục, tôi đã viết tặng cha mẹ của tôi hai bài thơ sau đây vào dịp Lễ Cha và Lễ Tạ Ôn.

CẢM ƠN CHA

*Cảm ơn cha, đã cho con đời sống,
đã đi làm cực nhọc mỗi sớm mai,
rời chiều về, thở phào giang đôi tay
đón con trẻ vào lòng đầy âu yếm.*

Cảm ơn cha, đã khổ công dạy dỗ,
nuôi chúng con được thi đỗ thành tài,
đến một ngày cha nhẹ gánh đôi vai,
mừng con trẻ có tương lai tươi sáng.

*Cảm ơn cha, đã bên con ngày tháng,
chia sẻ nhiều những giây phút buồn vui,
để lòng con yên chí có nụ cười;
niềm hãnh diện bên cha luôn tỏa sáng.*

Mừng Lễ Cha tháng Sáu ngày mười tám,
chúc cha luôn vui vẻ sống an nhàn,
công ơn cha con trân quý vô vàn;
Cầu cha mẹ sống bình an đảm thắm.

CẢM ƠN MẸ

*Mẹ nuôi từ thuở sinh ra
Mặt xinh nụ cười thật là dễ thương
Bao năm con đã lớn khôn
Tuổi đời cũng đã lớn hơn hiểu nhiều*

Hôm nay kính mẹ mến yêu
Lời chúc tụng với muôn điều ghi ơn
Công sinh dưỡng dục vương tròn
Mẹ đã trao hết cho con nên người

*Mẹ nay tuổi xế chiều rồi
Mong mẹ luôn mãi vui tươi hưởng nhàn
Cầu mong mẹ vẫn an Khang
Cùng con cháu sống ngập tràn yêu thương*

*Gia đình hạnh phúc vô cùng
Tháng năm vẫn có mẹ thương yêu nhiều
Con nguyện bên mẹ sớm chiều
Mẹ luôn thanh thản là điều ước mong*

*Hôm nay ngày lễ Tạ Ôn
Con xin kính chúc Mẹ luôn an lành*



Từ thuở nhỏ, tôi thường theo cha mẹ của tôi đi sinh hoạt trong cộng đồng người Việt, như là dự những buổi họp mặt, họp khoá, hay dự tiệc quyên góp để có ngân khoản cứu trợ đồng bào miền Trung bị thiên tai bão lụt, và gửi những phần quà và thuốc men về cho các Thương Binh & Cô Nhi Quả Phụ, hoặc tham gia những buổi biểu tình yểm trợ dân trong nước chống chế độ Cộng Sản.

Ở hải ngoại, người dân Việt bỏ nước ra đi tìm tự do đã mang theo hồn Tổ Quốc, nên họ đã tổ chức nhiều buổi Lễ, như Giỗ Tổ Hùng Vương, Lễ Hai Bà Trưng, v...v... Nhớ đến Ngày Quân Lực 19 tháng 6 vừa qua, do Liên Hội Cựu Chiến Sĩ long trọng tổ chức. Họ là những binh chủng trong QLVNCH, sau 44 năm, vẫn chưa được giải ngũ. Họ là những người lính chịu nhiều oan khiên sau cuộc chiến, tù đầy khổ sai, gia đình tan nát và lưu vong nơi xứ người. Qua những biến cố của chiến tranh vẫn không làm cho những người quân nhân này trong QLVNCH quên được ba chữ Tổ Quốc, Danh Dự, và Trách Nhiệm.

Mặc dù thời tiết rất nóng đỏ mồ hôi, nhưng gia đình tôi và rất nhiều đồng hương đã đến khuôn viên Tượng Đài Chiến Sĩ Việt Mỹ, vinh danh và truy điệu hương linh các Chiến Sĩ Việt Nam Cộng Hoà thuộc mọi binh chủng đã hy sinh xương máu nơi chiến trường để bảo vệ miền Nam tự do cho dân chúng

được sống bình yên. Hiện diện có các dân cử, đại diện các binh chủng, và đại diện các cộng đồng.

Tôi nhìn chung quanh quan sát, có những vị cao niên khoảng 90 tuổi, mặc dù đi đứng khó khăn nhưng vẫn đến dự lễ. Các cựu quân nhân VNCH trong bộ quân phục tác chiến của một thời binh lửa, dù ở tuổi xế chiều, vẫn nghiêm nghị đứng hàng giờ để thi hành lễ nghi quân cách dưới ánh nắng gay gắt của ban trưa. Có một gia đình, vì muốn tham dự Lễ, đã phải bồng cả cháu nội đến, và trong thời kỳ phải ngăn ngừa dịch Covid-19, cháu bé 4 tuổi còn phải đeo khẩu trang, trông thật dễ thương. Các hậu duệ Việt Nam Cộng Hoà, với áo dài đồng phục màu trắng, đã bước song song rước cờ Vàng và cờ Mỹ thẳng tiến về phía bàn thờ Tổ Quốc làm tăng thêm vẻ tôn vinh của buổi lễ.

Trước tiên là phần phát biểu của chủ toạ và khách danh dự, sau đó là lễ nghi Truy Diệu Chiến Sĩ Trận Vong theo phương thức cổ truyền. Sau cùng, quan khách và đồng hương lên thắp hương trước bàn thờ Tổ Quốc trang nghiêm với những vòng hoa tưởng niệm và ghi ơn.

Chiều hôm nay, sau khi đi thương xá về, tôi đi thẳng đến bàn giấy mà Cha tôi thường ngồi trầm ngâm viết bài hoặc sáng tác thơ. Không thấy Cha tôi ngồi ở đó, tôi vội lấy gói quà mua về và phong bì đựng thiệp chúc mừng Lễ Vu Lan đặt xuống bàn, đúng lúc đó tôi thấy một bài thơ mà có lẽ Cha tôi vừa mới viết, tôi cầm lên đọc.

TÂM TƯ

*Tha hương buồn giữa cõi đời
Viết dòng thơ gửi những lời ước mong
Từ ngày từ giã non sông
Tâm tư gói trọn vào trong vãn vãn*

Cũng vì yêu nước thương dân
Cầu mong thời cuộc sớm dần đổi thay
Cho người thoát cảnh bi ai

Nước non khô lụy có ngày hồi sinh
Lưu vong một kiếp ba sinh
Ước mơ nhân loại chuyển mình vươn cao
Mong sao các thế hệ sau
Rạng danh nòi giống năm châu vang lừng
Quê hương khởi sắc tung bừng
Tự do no ấm vui mừng khắp nơi
Cha ông nở rạng nụ cười
Mẹ Việt hãnh diện với đời vì con

Thực ra, ước mơ của Cha tôi cũng giống như của những người khác. Tôi đã từng đọc thơ và bài viết của nhiều tác giả. Suốt gần nửa thế kỷ, họ luôn quan tâm về tình hình hiện tại của quê hương Việt Nam, và ước mong sao đất nước được khởi sắc vẹn toàn. Họ đều là những người đấu tranh chống chế độ Cộng Sản hèn với giặc ác với dân đang đọa đầy đàn áp dân trong nước. Tôi đã có dịp đọc một bài viết trên trang mạng xã hội Facebook của nhà thơ Cao Nguyên, và tôi rất lưu ý đến bài phát biểu của Trung Tá Tôn Thất Tuấn, một hậu duệ Việt Nam Cộng Hoà, trong cuộc hội ngộ các cựu chiến binh thuộc Tổng Hội Biệt Động Quân/ QLVNCH tại Thủ Đô Hoa Thịnh Đốn ngày 17 tháng 7 năm, 2011. Bài phát biểu của anh có đoạn như sau:

...Những tháng vừa qua, chúng tôi đã được gặp gỡ và tâm sự với nhiều cựu chiến binh nên càng thêm kính phục những chiếc áo trận bạc màu sau bao nhiêu năm gian khổ, hiểm nguy và vào sanh ra tử của một đời binh nghiệp. Tôi tin rằng những thế hệ con em của chúng ta sau này sẽ luôn luôn kính phục sự hy sinh cao cả của quý vị và sẽ cảm nhận được thế nào là giá trị, thế nào là sức sống mãnh liệt trong lý tưởng tự do, thế nào là chân lý làm người và thế nào là tình yêu thương nhân loại trong niềm tin chân chính.

Chiến tranh ở bất kể thời đại nào đều để lại những nỗi buồn và đau thương, vì đây là tâm trạng hiển nhiên của những

người đã hy sinh rất nhiều trong cuộc đời. Những cảm giác này hầu như không có một khoảng thời gian nhất định nào để tự chúng có thể xóa đi được. Nhưng chúng ta có thể nhận định lịch sử một cách khách quan và phân tách rõ ràng những diễn biến trong hiện tại, để rời những buồn phiền và đau thương không thể trở thành nhiều năm tiếc nuối.

Hai câu thơ “Mong sao các thế hệ sau, Rạng danh nòi giống năm châu vang lừng” trong bài Tâm Tư đã thúc đẩy tôi có quyết định như sau. Để không phụ công ơn nuôi dưỡng của cha mẹ, và để tri ân công đức của các anh linh anh hùng hào kiệt đã chống ngoại xâm từ cổ chí kim để bảo vệ quê cha đất tổ bốn ngàn năm văn hiến, tôi nhủ lòng sẽ tiếp nối dân thân trên con đường chống Cộng, tranh đấu cho tự do no ấm, nhân quyền và bác ái, để hướng về một tương lai đổi mới.

Tôi sẽ học hỏi và trau dồi văn hóa sử Việt Nam, cái hay của một dân tộc chưa hề khuất phục ngoại bang. Tôi sẽ cố gắng làm một người hữu ích rạng danh cho quê hương yêu dấu và cội nguồn Việt Tộc. Với câu ca dao Có Chí Thì Nên, tôi tin rằng với ý chí và quyết tâm, tôi sẽ đạt được tâm nguyện.



BÀ MẸ QUÊ

Tô Văn Cấp, K19

Có nhiều cách gọi về song thân tùy theo địa phương, nhưng ở quê tôi, một vùng thuộc tỉnh Kiên An, Hải Phòng thì con gọi bố mẹ là thầy bu, vì thế tôi xin giữ hai danh từ này cho bài viết về mẹ tôi, một bà mẹ quê.

Thầy tôi qua đời ngày 15 Tháng Giêng năm 1947, hưởng dương 41 tuổi. Ông cụ mất đi khoảng sau hai tháng bị bệnh mà thườ ấy người vùng quê chỉ biết gọi là bệnh “thương hàn” (?). Những ngày thầy tôi lâm trọng bệnh và khi các con tiền chân ông cụ ra cánh đồng thì nay tôi không còn nhớ gì nữa. Kỷ niệm duy nhất còn sót lại trong đầu tôi là khi ông cụ tháo vai cày ra khỏi cổ con trâu rồi đưa sợi dây thừng cho tôi dẫn nó đi ăn, đang gặm cỏ. Khi đến bên bờ hồ trước cửa nhà thờ thì nó nhào xuống nước, ngược mũi lên thở phì phò. Còn tôi, một thằng bé chăn trâu mới 6 tuổi, không thể kéo nó lên được nên tôi đành buông dây thừng, đứng trên bờ mà khóc vì sợ con trâu sẽ chết đuối.

Với bu tôi, một bà mẹ quê, thì tôi nhớ nhiều, nhưng tôi chưa một lần nhắc lại những kỷ niệm này với anh chị em và con cháu. Khi thầy tôi mất thì bu tôi mới 43 tuổi với một nách bảy đứa con. Tất cả cùng sống trong căn nhà tranh vách đất

ba gian hai chái, một mảnh vườn với dăm ba sào ruộng thuộc làng Cựu Viên, tỉnh Kiến An, thành phố Hải Phòng, và chỉ cách hai nơi này chừng hơn 3 cây số.

Một hình ảnh tuy đã hơn 60 năm rồi mà tôi vẫn còn như đang thấy trước mắt, đó là cảnh vào lúc hoàng hôn, bu tôi đứng ở góc vườn, sau lũy tre, hướng ra nghĩa trang mà kêu tên thầy tôi trong tiếng nấc, sau khi đã chôn cất thầy tôi xong.

Bu tôi cả ngày phải chân lấm, tay bùn với ruộng lúa vườn rau, mỗi buổi chiều về, sau khi thổi cơm cho con, nấu cám cho lợn (heo) xong thì mặt trời đã lặn. Giữa lúc tranh tối tranh sáng ấy, bà lẳng lẳng ra góc vườn, lúc thì ngồi ngắt đọt khoai lang, khi thì đứng hái lá chè mà thút thít khóc, trong khi các con không hay biết.

Một buổi chiều tối, khi chim đã về tổ, tôi leo lên cây cau góc vườn để bắt ỏ chim sáo đen khi nghe chim con “chíp chíp” mà tôi đã rình từ lâu, tôi thất kinh suýt rơi xuống đất khi bất chợt thấy một bóng đen đứng khóc ở góc vườn. Nhưng tôi hoàn hồn ngay khi nhận ra tấm khăn tang trắng vắt trên đầu, hai đuôi khăn chạy dọc sống lưng của bu tôi. Tôi vội tụt xuống định chạy vào nhà, nhưng rồi khựng lại, ngồi thụp xuống bên gốc cây cau vì nghe tiếng bu tôi khóc:

- *“Ôi ông ơi! Trời đã tối rồi, ông đi đâu mà sao không về ăn cơm uống nước với các con, ông ơi!”*

Tuy tuổi lên 6, tuổi nghịch ngợm của trẻ nhà quê không biết sợ ma nhưng tôi rùng mình nổi gai ốc khi nghe bu tôi kêu lên như thế. Bà khóc trong nấc nghẹn, cổ kềm trong họng không cho ra tiếng vì sợ các con nghe được, bà cam chịu đau khổ thương nhớ một mình, không đành chia nỗi buồn với các con. Các anh chị em chúng tôi không ai hay biết việc này, vì sau một ngày quần quật với công việc ruộng lúa, vòng khoai thì tất cả đã mệt nhoài. Mọi người đi nghỉ sớm để sáng mai, khi gà vừa gáy và tiếng chuông nhà thờ “bính-boong” lúc 5 giờ sáng là đã phải dậy để chuẩn bị ra đồng.

Riêng mình tôi biết bu tôi khóc. Tôi chẳng nói cho ai hay, nhưng tiếng khóc của mẹ xoáy vào đầu tuổi thơ khiến tôi cứ đứng sau hè nhìn bu tôi rũ xuống như tàu lá chuối héo, nghe bà nấc nghẹn mà ứa nước mắt theo. Nhiều khi tôi thấy bà vịn cành chè rồi sức nặng của khổ đau kéo cành chè gãy xuống.

Một chiều tối, tôi nghe tiếng nói bên kia vườn, cách bụi tre, vắng sang:

- Mẹ Quán sao cứ khóc mãi thế! Hãy để cho Quán nó yên nghỉ.

Đó là tiếng của cụ Dưỡng, tức chú ruột của thầy tôi. Chắc cụ cũng xót ruột vì tiếng khóc mỗi chiều tối ngoài góc vườn. Bu tôi là cháu dâu nên phải vâng lời chú chồng, từ đó bu tôi không đứng khóc ngoài góc vườn nữa. Nhưng nỗi sâu vì năm mồ chôn chồng chưa xanh cỏ thì làm sao voi nên nước mắt tiếp tục rơi cùng những tiếng nấc nghẹn trong góc bếp, giữa đêm khuya.

Mùa Đông tháng giá, tiết trời khá lạnh ở vùng quê miền Bắc trong căn nhà lá vách phen nên có nhiều khe hở để gió lùa vào. Anh em tôi nằm ổ rom, đắp chiếu, kín đầu thì hở đuôi và ngược lại kín chân thì thò đầu, cái lạnh đêm khuya lại thêm cái dạ trống, đúng với câu “bụng đói cật rét” nên giấc ngủ chập chờn. Nửa đêm về sáng, khi gà vừa gáy, tôi thức giấc, thấy ánh lửa từ nhà bếp hắt lên, tôi bò dậy và mon men tới gần để sưởi cho ấm thì thấy bu tôi ngồi nấu cám heo, một tay cầm que, tay kia nắm mớ



Tại Đà Lạt khoảng cuối năm 1962 (đầu năm 1963) tại tiệm Lợi Ký, khi bà mẹ quê từ Sài Gòn lên thăm con vừa được làm SVSQ Khóa 19.

rom đẩy vào tiếp cho lửa cháy, bóng mẹ tôi in lên vách, ngã nghiêng theo ánh lửa bập bùng. Đêm khuya, thấy con thức dậy bò xuống bếp thì bà mẹ biết con đang thiếu cái gì. Vừa trông thấy tôi, bà vội kéo vạt áo lau nước mắt, rồi nói:

- Đói hả? Ngồi xuống đây sưởi cho ấm rồi bu nướng cho con củ khoai.

Bếp nhà quê đun bằng rom rạ nên có tiếng nổ lép-bép làm bắn ra những tia lửa nhỏ tựa pháo bông, kéo theo tro bụi phủ lên người ngồi nấu. Bu tôi đứng dậy khẽ phủi tro tàn trên khăn tang trắng rồi lấy củ khoai lang ở cái thúng treo sau lưng vùi vào đám tro giữa ba “ông đầu rau”.

Có thể nhiều người không biết “khoai nướng vùi bếp tro” là gì, mùi vị nó ra sao, ngay cả con cháu nội ngoại của bu tôi hiện nay đang sinh sống trên đất Mỹ cũng không biết. Nhưng với tôi, củ khoai lang vùi bếp tro mà bu tôi “ban” cho tôi không có gì so sánh được. Người ta thường dùng chữ “ban” để nói về những “hồng ân” mà Thượng Đế, Chúa, Phật ban cho con chiên, phật tử, nhưng bu tôi đã “ban” cho tôi củ khoai nướng vùi bếp tro giữa đêm Đông giá lạnh mà xung quanh bếp chỉ có rom rạ, tro bụi, bóng tối và tình mẹ con.

Bà mẹ khều củ khoai trong đám tro ra, vò nắm rom chà lên vỏ ngoài cho sạch chỗ cháy đen rồi đưa cho con:

- Khoai còn nóng lắm, con ăn từ từ.

Đúng rồi, khoai nướng thơm và ngon ngọt với trẻ em miền quê, nếu em đói mà vội ăn đến nỗi quên cả bóc vỏ thì sẽ bị nóng phải hả miệng ra, ngứa mặt lên mà thôi “phù-phù”, ăn vụng mà nuốt vội miếng khoai lang dễ bị nghẹn. Bụng đói, cật rét mà hai tay nắm củ khoai nướng nóng thì thích lắm, nhưng không hiểu sao cái tật tham ăn hằng ngày của tôi biến đi đâu mất. Tôi cũng chẳng hiểu chữ “hiếu” là gì, nhưng vẫn cứ bẻ củ khoai ra làm hai, đưa bu tôi một nửa mà không nói một lời nào cả. Biết nói gì hơn, và dù văn hay chữ tốt thì trong hoàn cảnh ấy, ngàn vạn lời nói cũng không đủ. Tôi đưa nửa củ khoai

cho bu tôi chỉ vì tôi thấy bu tôi kéo vạt áo lau nước mắt, chỉ vì trong ánh lửa rom chập chờn giữa đêm khuya tôi thấy mắt bu tôi đỏ. Tôi đưa nửa củ khoai cho bu tôi vì tôi biết bu tôi cũng đói nhưng bà nhường miếng ăn cho con, như tất cả các bà mẹ khác.

Cầm miếng khoai trong tay, bu tôi nhìn tôi không nói gì cả nhưng lại choàng tay qua kéo tôi vào lòng, tay kia xoa đầu con. Tôi biết bu tôi đang thổn thức và rồi bà khẽ nói:

- Con lên đánh thức các anh chị dậy ăn cơm để còn kịp ra đồng.

Hai tiếng “ra đồng” là chỉ công việc ngoài đồng ruộng như cuốc đất, nhổ mạ, cấy lúa, làm cỏ, trồng rau, trồng khoai, trồng bắp (ngô) v.v... Những công việc của nhà nông để làm ra thực phẩm mà người thành phố, nhất là các bạn trẻ người Mỹ gốc Việt không bao giờ có thể hình dung ra được nó vất vả như thế nào.

Ngày qua ngày, bầy gà một mẹ bầy con đùm bọc quây quần dưới mái tranh được bao quanh bởi lũy tre xanh, rồi bị chạy loạn vì chiến tranh. Khi hồi cư về làng cũ thì chỉ còn hoang tàn đổ nát nên mẹ con lại chạy theo dòng người di tản. Thấy họ đi thì bà mẹ quê cũng dắt con đi, không biết đi về đâu và làm gì? Những lúc gian nan khốn khổ như thế chắc hẳn bu tôi lại kêu tên thầy tôi và mong chồng chỉ lối đưa đường cho vợ góa, con cô được về nơi bình an.

Cuối cùng thì gia đình tôi làm dân di cư trôi dạt vào Nam, về làng Bến Xúc, quận Bến Cát, tỉnh Bình Dương năm 1954. Người nông dân thường có sức chịu đựng như “cỏ dại”, vất đâu cũng sống được với đất, nhưng mẹ con chúng tôi ra đi không mang theo ruộng vườn, chỉ có hai bàn tay nên phải xoay sở. Các anh chị tôi lúc này đã trưởng thành nên phiêu lưu về thành phố và gia đình tôi lại di chuyển về 172/41 đường Lê Quốc Hưng, Khánh Hội, quận Bốn, Saigon.

Bu tôi, một bà mẹ quê lạc về thành phố, bỏ lại sau lưng xa

tít mù khơi mái tranh, lũy tre, ruộng vườn, mô chông mà sẽ không bao giờ được nhìn lại nên bu tôi như tàu lá úa và chỉ hồi sinh sau khi đã có tiếng bập bẹ “bà bà” của các cháu nội ngoại. Có lẽ đây là giây phút hạnh phúc nhất của bu tôi cũng như các bà mẹ khác, thương cháu chăm sóc cháu hơn thương con.

Vẫn tưởng bu tôi được vui hưởng thái bình với cháo rau đạm bạc bên con cháu cho tới lúc đầu bạc răng long thì chiến tranh lại tràn về. Các con trai, con rể của cụ lên đường tòng quân, thằng Cao Nguyên, đứa Đông Hà, em tôi ở núi Sơn Chà Đà Nẵng thì tôi ở mãi tận mũi Cà Mau. Đâu đâu cũng nghe tiếng súng nổ. “*Đại bác đêm đêm vọng về thành phố*” thì bà mẹ quê khốn khổ thức giấc ngồi tựa lưng vào vách, mắt nhắm, tay cầm tràng hạt, miệng đọc thầm chuỗi Mân-Côi cầu xin Thượng Đế ban ơn lành cho đàn con nơi lửa đạn.

Nhớ lại lúc tôi nhận được giấy gọi đi trình diện Không Quân và Võ Bị cùng một ngày, đang phân vân chưa biết chọn nơi nào thì bu tôi bảo:

- Con đừng đi lính tàu bay, thấy tàu nó bay bay thì bu sợ lắm. Con lên Đà Lạt mà học, vì ở đó có chị Hải của con, chị con sẽ săn sóc cho con thì bu an tâm hơn.

Chị ruột tôi ở số nhà 16C Phạm Ngũ Lão, tôi đã lên đây nghỉ hè nhiều lần rồi. Thấy Sinh Viên Sĩ Quan Võ Bị là tôi mê, nay có thêm lời khuyên của bu tôi nên tôi chọn Võ Bị. Tuy không được bà chị săn sóc, nhưng lại được nhiều đàn anh săn sóc tận tình hơn, nếu bu tôi mà biết “tận tình” như thế nào thì chắc là cụ khóc ngất. Ngày tôi ra trường, bu tôi lên Đà Lạt dự lễ mãn khóa để xem tôi mang lon “quan một” nó ra sao, nhưng mục đích chính là bảo anh rể tôi làm Cảnh Sát: “*Sắp xếp làm sao cho tôi làm việc tại Đà Lạt cho có chị có em*”, cho bu tôi an tâm (!). Thế rồi, bu tôi thấy tôi đội mũ beret xanh Thủy Quân Lục Chiến, cụ lo lắng. Vì một anh rể khác của tôi ở TQLC đã bị thương nhiều lần nên tôi phải nói dối cụ là tôi được làm văn phòng ở Thủ Đức, gần nhà hơn.

Nhưng rồi tôi đi biệt, từ Bến Hải đến mũi Cà Mau, chẳng có ngày phép để về thăm mẹ già! Đời lính chiến là vậy, còn bu tôi thì hằng ngày vẫn thót con tim mỗi khi thấy xe GMC chở quan tài phủ cờ chạy qua cửa. Khi nghe mấy bà hàng xóm kháo nhau rằng áo quan phủ cờ vàng sọc đỏ là của lính chết trận thì bu tôi vịn tường ngồi xuống đất đọc kinh tiếp.

Rồi một ngày tháng 6/1966, một xe GMC/TQLC chạy vào



**SVSQ Tô Văn Cập - Khóa
19, năm 1963.**

xóm và từ từ dừng lại, khiến bu tôi hốt hoảng khụy xuống, nhưng người lính TQLC tìm nhà bà Châu, bà hàng xóm và cũng là người cùng quê, để báo tin con trai bà là thằng Mão đã tử trận. Bà Châu xịu, bu tôi hoảng hốt lo lắng xịu theo, vì Mão và tôi là bạn và cùng tình nguyện vào TQLC. Mão ở Tiểu Đoàn 1, tôi ở Tiểu Đoàn 2. Cả hai vừa đụng trận tại ngã ba sông Định, thuộc Bích La Thôn, Quảng Trị. Nó tử thương, tôi bị

đạn xuyên khuỷu tay, thấy không sao nên tôi đã nói với hậu trạm là đừng báo tin về cho gia đình biết. Khốn thay, hậu trạm rồi hậu cứ ở Thủ Đức cứ theo đúng thủ tục mà báo tin nên hai ngày sau lại một xe jeep TQLC đậu trước cửa hỏi nhà bà Tiệp, tên anh cả của chúng tôi. Người báo tin chưa kịp nói gì thì bu tôi ngã xuống bất tỉnh và không còn biết gì nữa!

Vì bị thương nhẹ nên tôi xin xuất viện ngay để đi phép về thăm nhà. Bu tôi đang nằm thêm thiếp trên giường bệnh, thấy tôi về, cụ ngồi bật dậy ngơ ngác nhìn con, hai tay vuốt mặt con, nắn vai, nắm tay con lắc lắc như muốn biết đây là thực hay chiêm bao? Bu tôi không nói gì mà chỉ khóc. Cụ khóc vì lo âu, cụ khóc vì còn cầm được tay con vừa từ mặt trận trở về.

phúc lúc đó, còn suốt ngày dài lại đêm thâu chỉ toàn là sầu khổ vì nghĩ đến con ngoài chiến trường. Tôi xin mượn ý bài thơ Màu Tím Hoa Sim: *“Không chết người con lính chiến mà chết người mẹ hậu phương.”* Người lính chiến nếu có chết, chỉ chết một lần, nhưng những bà mẹ hậu phương thì chết dần chết mòn, chết khi nghe *“đại bác đêm đêm vọng về thành phố”*, chết giấc khi thấy con *“trở về trên đôi nạng gỗ”*.

Bu tôi đã chết giấc nhiều lần như thế khi thấy mấy đứa con, đứa cháu trong họ, cùng đi TQLC lần hồi tử trận như Tô Thanh Chiêu, Tô Văn Sơn, cháu ngoại Vũ Tuấn, Nguyễn Thanh v.v... Cuối cùng thì ngày 19/6/1969, trên con kinh Cán Gáo thuộc tỉnh Chương Thiện, những tiếng nổ đã loại tôi ra khỏi vòng chiến. May mắn hơn Chiêu, Sơn, Tuấn, Thanh v.v., tôi còn nặng nợ, chưa “đi được” nên khi tỉnh dậy, thấy mình nằm trên giường bệnh viện, toàn thân những dây cùng nợ! Mờ mờ nhìn qua lớp băng quấn đầu, tôi nhận ra bu tôi đang lấy tay cạy những vết máu, vết sinh đã khô trên mặt tôi. Tôi mấp máy đôi môi, gọi qua hơi thở của bình dưỡng khí:

- “Mẹ.”

Tiếng “Mẹ” dễ gọi dễ thương là thế nên tôi quen với chữ “Mẹ” từ đó.

Tôi bị trọng thương, bị loại khỏi vòng chiến thì cũng là lúc mẹ tôi bớt được một phần lo âu. Thấy tôi lê lét với đôi nạng gỗ kẹp nách quanh quần xó nhà thì mẹ tôi lại mỉm cười:

- Con cứ như thế này thì mẹ đỡ lo.

Chưa trả hết nợ nước nên tôi được hạnh phúc quanh quẩn một thời gian bên bà mẹ già nhà quê, bà mẹ không biết viết, không biết đọc mà chỉ biết khóc vì con. Thế rồi đất bằng dậy sóng, các bà mẹ lại tiếp tục vất vả vì các con.

Lần sau cùng tôi nghe mẹ khóc là khi tôi cúi kính nhìn mẹ rồi tôi vắt đôi dép cao su làm bằng vỏ xe hơi mà cụng đã lên lên để vào túi xách cho tôi lên đường “học tập vinh quang”.

Sau ngày 30/4/75, ba anh em trai tôi cùng hai người anh rể đều lên đường để “được cải tạo” làm con người! Chẳng cần nói thêm thì ai cũng biết bà mẹ già trong hoàn cảnh ấy thì “có vui bao giờ”. Nghe hàng xóm xì xào bán tán, mẹ tôi thật thà đi mua quần áo đen và dép râu cho các con để sớm được về đoàn tụ!

Quá khứ đời tôi lính chiến đã khiến mẹ lo âu sợ hãi nhưng chưa lần nào tôi hỗn với mẹ như lần này. Tôi lôi đôi dép cao su và bộ quần áo đen ra khỏi túi xách và quăng nó vào góc nhà. Mẹ tôi nhìn sững tôi và chắc bà tự hỏi tại sao con lại vất những thứ cần thiết ấy, nó sẽ giúp con để sớm được về với mẹ. Làm sao tôi hiểu được tình thương mệnh mông của bà mẹ quê trong khi bà cũng không biết được con trai mẹ đang “chín” từng khúc ruột. Tôi lẳng lặng cầm túi xách lên đường, không lời chào từ giả mẹ già đang ngồi tựa lưng vào vách mà mắt nhìn theo gót chân con.

“Cải tạo” tới năm thứ chín thì tôi hay nằm mơ thấy mẹ. Linh tính cho biết có điều chẳng lành, tôi hỏi người nhà mỗi khi đến thăm nuôi thì được biết mẹ tôi vẫn bình thường. Nhưng sao vẫn thấy mẹ trong giấc mơ, tôi đem chuyện hỏi lại thì lúc đó vợ tôi đành lôi trong túi xách ra một xấp hình đám tang mẹ tôi mà vợ tôi đem theo những lần trước nhưng vẫn dấu kín. Tôi không còn nước mắt để khóc mẹ vì tôi đã không chào mẹ khi ra đi, không biết rằng đó là lúc chào lời vĩnh biệt, không biết ai vĩnh biệt ai. Mẹ tôi khóc vì các con phải đi xa khi đất nước đã thái bình khiến mẹ tôi mù lòa. Mẹ tôi ra đi vĩnh viễn khi tôi chưa quay về!

“Lòng mẹ thương con như biển Thái Bình dạt dào.”

Lòng mẹ như bị dao chém mỗi khi nghe tin con “thăng trận” trở về, “trở về trên đôi nạng gỗ, trở về hòm gỗ cài hoa!”

Lời nào nói cho đủ, viết cho hết trong vài trang giấy. Những bà mẹ, dù quê hay thành phố, đều là Mẹ Việt Nam. Mẹ Việt Nam thì lúc nào cũng vui và khổ đau theo đời sống thăng trầm

của các con, không vui khi các con không vui với nhau. Không đâu biết bao những bà mẹ của các anh lính chiến luôn canh cánh bên lòng, lo sợ phải rên rỉ câu:

- “Lá vàng còn ở trên cây, lá xanh rụng xuống, trời hay chẳng trời?”

Những ai còn mẹ, dù trong hoàn cảnh nào đi nữa thì xin chớ có cử chỉ đáng trách như tôi đã phạm đối với “*Bà Mẹ Quê*” để khỏi phải ân hận khôn nguôi.

** Trích từ tác phẩm “Nửa Đường” của tác giả Tô Văn Cấp, xuất bản tháng Sáu, năm 2019 tại Nam California, Hoa Kỳ.*

Nóng

Áu Tím, K 26/2

100 độ Fahrenheit = 37,7777778 độ Celsius hơi cao hơn thân nhiệt con người - cao hơn 100 độ F có nghĩa là bị nóng sốt là phải lo đi thử xem có bị nhiễm Covid hay không? À, không định viết chi đến chuyện này ai cũng biết rõ rồi, chỉ vì nó thôi bao nhiêu triệu con người đã thôi không sống nữa, cho dù ai cũng biết sống để khổ rồi chết. Mà hỏi thử xem có mấy người muốn không sống kia chứ! Cũng vì nó, cuộc sống loài người trên quả địa cầu này bỗng đổi thay chóng cả mặt. Ngày nào ríu rít níu níu kéo lỏi ôm ghì tay, bắt tay lỏi đủ cả, nay thì cách khoảng xa xa nếu không cũng đeo mặt nạ che miệng che mũi. Phụ nữ không cần đánh son nữa khiến các hãng mỹ phẩm than trời vì doanh thu kém hẳn lại.

Đang nói đến cơn nóng sôi cả tiểu bang California chín cả trứng gà, bỗng ngã ra nhớ nghĩ lại xem có thời nào mình đã chịu đựng nóng như thế chẳng nhỉ. Hình như chưa có thì phải. Trái đất bây giờ cũng già lão nên hậm hực nhiều hơn, khó chiều nhiều hơn. Nơi thì cuồn cuộn gió mưa, nơi thì khô khốc cháy đến độ đất rung nứt nẻ, cây khô hoa héo và người thì cũng hậm hậm. Sáng ra xem tin tức thế nào cũng có chuyện lỏi súng ra bắn loạn cả lên. Chả vì gì cả, đổ cho chuyện này

chuyện nợ khiến nên thế này, thế kia!

Không phải đâu, có lẽ đang có một loại vi trùng khác với loại Covid. Các nhà nghiên cứu đang điên đầu tìm hiểu lan tràn trong nhân loại, khó mà tìm ra gốc rễ, khó mà tìm ra cách trị nó. Không có loại thuốc nào để giúp con người không bị nó ăn mất não, ăn mất cái phần bao dung tử tế nhân hậu. Tự dung người ta so sánh giàu nghèo, so sánh màu da, rồi tự hỏi tại sao phải tử tế, phải thương yêu kia chứ. Cứ mặc kệ họ cho rồi! Người bị mất phần não này thì khỏi nghĩ suy chi cho mất công!

Nhất định không viết về bệnh hoạn chỉ viết về nóng, nóng sôi, hay nóng vừa vừa, nóng âm ỉ trong tình cảm của con người. Nóng sôi là bỏ cha bỏ mẹ theo luôn, nóng vừa vừa là nghĩ xem nên hay không nên, nóng âm ỉ là “chỉ còn mỗi tình mang theo!” Ha, bà già tuổi đã hơn 60 ngồi bên khung cửa tán chuyện nóng lạnh tình trường theo khung cửa cũ kỹ, không phải giàn máy công nghiệp vĩ đại như bây giờ. Nên cứ thử xem nó ra sao nhé, so sánh khắp khấp khểnh cũng vui kia mà!

Hai cô con gái nhà này đều tổ chức đám cưới vào những ngày nóng sôi. Cô đầu nhiệt độ ngày lễ cưới hơn 100 độ F, cô thứ hai cũng tranh cho bằng chị ngày lễ cưới cùng hơn 100 độ F, cho dù hai đứa nó tổ chức đám cưới cách nhau 10 năm. Chúng nó cũng cách nhau 10 năm tuổi, có lạ không nhỉ. Đứa nào cũng hơn 30 tuổi mới chịu theo người ta về nhà khác, rồi có em bé cho Mẹ nâng niu, rồi cùng ta thán hỏi bằng tuổi chúng nó Mẹ đã có con hơn 10 tuổi để mang đi đó đi đây!

Giờ ạ! Nếu thật sự muốn phàn nàn thì so sánh với bà ngoại, bà nội đi thì biết “gái thập tam” 13 tuổi là đã bị định nơi, định chỗ. Chưa 20 đã sồn sồn mấy đứa tự nuôi tự dưỡng, tay xách nách mang. Đàn ông khi ấy là “đương vật buồn thiu” ngoài chuyện “dài lưng tốn vải ăn no lại nằm”. Tập thơ đường luật thơ sáu tám học ngũ kinh tam quốc. Chuyện trên trời dưới đất thì hay, cây cày tay hòm chìa khóa nếu có thì giao khoán cho

vợ.

Nào ít đâu, những sách vở thời cũ ghi xuống hẳn hoi cả bao nhiêu thế hệ như vậy. Hình ảnh cũ “bị” lưu vào văn khố, ghi vào các viện bảo tàng thế giới về miền đất hứng ánh nắng mặt trời ngày mới từ Bắc xuống Nam. Nhiều nhất là những hình ảnh áo thụng chân đất, đầu đội rế ôm o ẹo uột; đàn bà ngồi xếp dưới đất, neho nhóc lũ trẻ bu quanh. Đứa nằm trên lòng nhay núm vú, áo yếm khoe lưng tuột hẳn một bên.

Trong khi cùng thời kỳ ấy, bên hướng mặt trời lặn theo phong thủy là không tốt, họ đã mang ủng da, áo quần tinh tươm. Phụ nữ thì ôi chao áo choàng, áo khoác. Đây là hình ảnh cùng cảnh sinh hoạt đời thường, chứ ngắm hình ảnh vua chúa thì càng đau xót trăm ngàn lần. So sánh Nam Phương Hoàng Hậu với Nữ Hoàng Sisi thì không dám nghĩ đến, dù họ cách nhau 74 năm - Nam Phương Hoàng Hậu rất gần thời chúng ta, rất cận đại 1914 – 1963, trong khi nữ hoàng SiSi nổi tiếng toàn thế giới sinh vào thế kỷ 18, 1837. Hình ảnh của hai bà rất dễ tìm trên Google để so sánh.

Tóm lại thế này: Là một phụ nữ Việt Nam sinh giữa thế kỷ 19 sống đến nay 1/4 thế kỷ 20 nghiệm ra độ nóng sôi tình cảnh thua kém của bao mảnh đời bị chèn ép, muốn bay lên mà rời cánh bị cắt không cho bay vì cả tỉ thứ lí ti. Không tả hết ra được cho dù là bà hoàng cuối triều đại hoàng tộc, hay là cô con gái bị gả phút đi cho đỡ chén cơm trong nhà đông con!

Và nóng thì vẫn nóng - cứ ngày thấp một chút ngày cao một chút cơ thể con người bắt buộc phải theo thế thôi. Nhớ có lần sang thăm Trung Đông (vùng đất đang được các đài truyền hình nhắc đến mỗi ngày), cái nóng hầm hập khô cháy. Nhìn những chiếc nầm đen đi trên đường rất lạ lùng. Người du khách lúc ấy được căn dặn phải đi sát với đoàn, đừng dại đột đi một mình mà có thể bị nạn không ai biết đâu mà giúp.

Những cái nầm đen sừng sững ấy là các thiếu nữ, hay thiếu phụ không cách chi biết được vì họ được trùm kín từ đầu đến

gót chân. Đôi mắt nhìn đời qua khung lưới vừa vặn đủ cho đôi mắt làm nhiệm vụ của nó cũng màu đen. Chỉ lén nhìn thế thôi không dám nhìn chăm chú! Ngẫm nghĩ đến đôi chân tự do đi khắp chốn, tự do học, tự do viết, tự do mặc những quần áo mình thích, so sánh với trang phục cái nầm ấy thấy thương phận đàn bà bị ép uông. Theo một giáo phái chắc gì họ đã chọn giáo phái kỳ lạ. Phụ nữ chỉ là con số không to tướng.

Nói chuyện với cô gái, vô tình được tiếp xúc đôi mắt của cô trong veo nói về niềm ao ước rất đơn giản là được khoác lên người bộ áo phuong Tây, có thể khoe ra đôi cánh tay trần thon thả, được điểm chút son môi, chút má phấn. Nếu đang sống an lành con người không nghĩ mình đang được hạnh phúc hơn vạn người khác. Chỉ khi biến cố to lớn xảy đến mới biết mình đang ở thiên đàng, vì ở một nơi nào đó trên địa cầu này bao người ao ước thoa chút son môi, chút má phấn mà không cách gì họ thực hiện được. Bây giờ lại thêm chuyện thuốc chích ngừa của thế kỷ!

Nóng ư! Đã có sao nào./.





Em Tơ Tóc Tôi

Quốc Nam, Khóa 22

Tháng năm ghé quán Tiên-Giang-Phố,
Nắng võ muôn màu rặng núi xanh.
Em ngồi rạng rỡ mùi hương nhớ,
Tôi đã yêu người cuối bến xuân.

*Dòng hát bay cao lên triền thác,
Em cười núi biếc thoảng Thiên Thai.
Bốn mươi năm lẻ trôi sa mạc,
Tôi tưởng tháng Tư xóa dấu hài.*

Bóng hình em ngát thơm quê hương,
Mộng寐 qua đêm giấc địa đàng.
Bến nước Cửu Long ngàn sóng lụa,
Môi hôn thấp ngọt suốt năm canh.

*Em ơi! Tôi gọi muôn trùng sóng,
Xa cách bao giờ gặp lại nhau?
Gió núi xoay theo dòng tóc nắng,
Em xinh như mộng, vút tinh cầu.*

Tôi đã là thân của núi sông,
Alpha Đỏ thắm, mộng tang bồng.
Bây giờ trôi nổi lưu vong xứ,
Tôi vẫn còn em, khúc nhạc vàng.

*Một mai về lại Miền Tây tuyết,
Tôi muốn trao em một đóa hồng.
Em với tôi, thiên đường bất diệt,
Cùng nhau tơ tóc kết trăm năm.*

(Trích thi tập “Người Tình Quê Hương”.)